

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DS-PT
Ngày 23-9-2021
V/v tranh chấp về kiện đòi tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Minh Hạnh

Ông Nguyễn Xuân Tuyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp về kiện đòi tiền.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 333/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 365/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số 12A1/25 B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị Ngọc E, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 4/D37 phường G, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Thanh I; nơi cư trú: Số 1/42 đường K, phường L, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Hồng A là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 10/6/2020; đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/7/2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng A trình bày:

Chị Vũ Thị Ngọc E là cháu ruột của chồng bà A. Vì tin tưởng nên bà A đã cho chị E vay số tiền là 34.800USD tương đương với số tiền 742.500.000 đồng. Giấy vay tiền chị E bảo anh Lê Thanh I là chồng của chị E viết và mang tiền về, nhưng thực chất anh I không liên quan gì đến việc vay tiền. Bà A đã cho chị E vay tiền thể hiện tại các Giấy vay tiền ngày 21/10/2015, ngày 12/02/2016 ngày và ngày 23/10/2016. Trong đó, Giấy vay tiền ngày 21/10/2015 có chữ ký của chị E. Khi vay chị E hẹn 03 tháng sau sẽ trả, còn tiền lãi thì bà A không phải suy nghĩ. Nhưng thực tế thì chị E không trả số tiền lãi nào cho bà A. Đến hạn trả nợ bà A đòi nhưng chị E không trả nên bà A đã làm đơn gửi Sở Công an Hải Phòng nơi chị E làm việc để tố cáo chị E mục đích là để đòi lại số tiền trên. Nay bà A khởi kiện yêu cầu chị E phải trả cho bà A số tiền là 31.800USD tương đương với 742.500.000 đồng tiền Việt Nam, không yêu cầu chị E phải trả số tiền lãi của số tiền nợ này, không đề nghị giám định chữ ký của chị E tại Giấy vay tiền ngày 21/10/2015.

Tại bản tự khai ngày ngày 09/12/2020, bản tường trình ngày 18/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn – chị Vũ Thị Ngọc E trình bày:

Chị E và anh I có quan hệ là vợ chồng nhưng đã ly hôn tại Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng vào năm 2019. Bà A là vợ của bác Vũ Đình M là anh trai của mẹ đẻ chị E nhưng hai người đã sống ly thân nhiều năm. Chị E không vay khoản tiền nào từ bà A. Giấy vay tiền là chữ của anh I viết. Chị E không ký vào bất cứ giấy vay tiền nào vì thế chữ ký E, họ tên Vũ Thị Ngọc E trong giấy vay tiền không phải là chữ ký, chữ viết của chị E, đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký này. Chị E không biết việc vay tiền giữa anh I và bà A như thế nào vì anh I không trao đổi gì với chị E. Hiện anh I đi đâu chị E không biết, hai bên không còn liên lạc với nhau từ cuối năm 2017. Nay bà A khởi kiện yêu cầu chị E phải trả số tiền 742.500.000 đồng, chị E không đồng ý.

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh I nhưng anh I vắng mặt, không có lý do, không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 19/5/2021, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào Điều 388, 389, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà A về việc buộc chị E phải trả số tiền 742.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/6/2021, bà Nguyễn Thị Hồng A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn – bà A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bà A xác nhận anh I là người viết các giấy vay tổng số tiền 3.800USD. Bà A giao tiền cho anh I, khi giao tiền chị E không có mặt. Tuy nhiên, chị E có gọi điện cho bà A nên bà A mới cho anh I vay. Bà vẫn giữ quan điểm khởi kiện chị E, chứ không phải là anh I.

Bị đơn – chị E giữ nguyên nội dung lời trình bày và quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh I không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của nguyên đơn: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì các Giấy vay nợ bà A xuất trình đều không có nội dung nào thể hiện chị E vay số tiền 31.800USD của bà A. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về kiện đòi tài sản (tiền). Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng – khoản 9 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Quan hệ tranh chấp về kiện đòi tài sản không áp dụng thời hiệu khởi kiện nên nguyên đơn có quyền khởi kiện – khoản 3 Điều 155 Bộ luật Dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Quyết định xét xử vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh I. Tại phiên tòa anh I vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh I theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hồng A: Căn cứ lời khai của các đương sự, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[4] Bà A xuất trình chứng cứ là bản gốc Giấy vay tiền đề ngày 21/10/2015, số tiền vay là 26.000USD; Giấy vay tiền ngày 12/2/2016, số tiền vay là 4000 USD và Giấy vay tiền ngày 23/10/2016, số tiền vay là 1.800USD. Các Giấy vay tiền này đều ký tên người vay là Lê Thanh I và chữ ký của người chứng kiến là ông Lê Tiên N; Giấy vay tiền ngày 21/10/2015 có thêm chữ ký “Ngà – Vũ Thị Ngọc E”.

[5] Người làm chứng – ông Lê Tiên N trình bày: Ông N là bố đẻ của anh Lê Thanh I. Anh I và chị E kết hôn với nhau năm 2007 và có hai con chung. Năm 2019, do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị E đã đơn phương xin ly hôn với anh I. Hiện nay anh I không có mặt tại nơi cư trú, đi đâu thì gia đình ông N cũng không biết. Ông N hoàn toàn không biết việc anh I vay nợ của bà A. Đầu năm 2017, gia đình ông N mới biết do bà A đến đòi tiền lãi của anh I; thời điểm này bà A cũng không đòi chị E. Các chữ viết chữ ký tại các giấy vay tiền do bà A nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm, không phải là chữ ký của ông N; chữ ký, chữ viết của chị E tại Giấy vay tiền ngày 21/10/2015 cũng không phải là chữ ký của chị E. Theo quan điểm của ông N thì bà A nên đòi người viết giấy vay là anh I chứ không phải chị E.

[6] Tại Bản Kết luận giám định số 21/KLGD-PC09 ngày 01/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị Ngọc E tại mục “Tên vợ và chữ ký” trên Giấy vay tiền cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị Ngọc E trên các tài liệu mẫu so sánh không đủ cơ sở kết luận”.

[7] Bản án số 24/2019/HNGĐ-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng đã xử cho chị E được ly hôn với anh I. Bản án nhận định: Anh I và chị E sống ly thân từ tháng 5 năm 2017.

[8] Sau khi nhận được đơn tố cáo của bà A về việc vợ chồng chị E anh I có vay của bà A số tiền 31.800USD từ năm 2015 nhưng đòi nhiều lần không trả. Ngày 06/02/2018, Phòng PA71 Công an thành phố Hải Phòng (đơn vị chị E làm việc) đã có Thông báo số 19/TB-PA71 gửi bà A nêu: Căn cứ vào kết quả xác minh

thấy: Việc anh Lê Thanh I có vay của bà A số tiền 31.800 USD là có thật. Đây là việc vay mượn cá nhân giữa anh I và bà A. Chị E không trực tiếp vay và chứng kiến việc vay nợ; chữ ký trong giấy vay tiền giữa anh I và bà A không phải là chữ ký của chị E nên chị E không liên quan đến việc vay nợ trên.

[9] Ngày 24/11/2020 Toà án cấp sơ thẩm đã giải thích cho bà A, người viết giấy vay tiền là anh Lê Thanh I thì bà A phải khởi kiện anh I mới đúng nhưng bà A vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện đối với chị E. Tại phiên toà phúc thẩm, bà A vẫn giữ nguyên quan điểm này.

[10.1] Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bà A khởi kiện chị E nhưng lại xuất trình các Giấy vay tiền mà chữ ký xác định người vay tiền là anh Lê Thanh I. Tại Giấy vay tiền ngày 21/10/2015 có chữ ký, chữ viết của chị E. Tuy nhiên, chị E không thừa nhận đó là chữ ký, chữ viết của chị E. Ông N là bố chồng của chị E cũng trình bày chữ ký, chữ viết tại giấy vay tiền ngày 21/10/2015 không phải là chữ ký của chị E. Tại bản Kết luận giám định chữ ký, kết luận: Không đủ cơ sở kết luận đó có phải là chữ ký của chị E hay không. Chữ ký và chữ viết tại Giấy vay tiền đề ngày 21/10/2015; ngày 12/2/2016 và ngày 23/10/2016, người chứng kiến: Ông Lê Tiến N không thừa nhận là chữ ký của ông N. Nội dung các Giấy vay nợ ngày 21/10/2015, ngày 12/02/2016 và ngày 23/10/2016 đều là: Người vay có tên là Lê Thanh I, vay tiền của bà A, có chữ ký người vay tiền là Lê Thanh I, không có nội dung vay tiền nào liên quan đến trách nhiệm của chị E. Chị E xác định không biết việc này vì anh I không thông báo, không chi tiêu khoản vay này vào mục đích của gia đình. Năm 2017 chị E và anh I đã sống ly thân và đến năm 2019, chị E đã tiến hành thủ tục ly hôn với anh I. Do vậy, không có cơ sở để xác định chị E phải có trách nhiệm trả cho bà A số tiền 742.500.000 đồng. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc buộc chị E phải trả số tiền 742.500.000 đồng như bản án sơ thẩm tuyên, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà A – Điều 166, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10.2] Anh Lê Thanh I vắng mặt tại nơi cư trú từ năm 2019. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm anh I đều không có mặt, không có lời khai nên chưa có cơ sở để xác định anh I có viết các giấy vay tiền nêu trên hay không nên chưa thể quyết định nghĩa vụ trả nợ của anh I đối với bà A tại bản án này. Do vậy, bà A có quyền khởi kiện anh I bằng một vụ án dân sự khác.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[11.1] Bà Nguyễn Thị Hồng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà A là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà A - khoản 1 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

[11.2] Chị Vũ Thị Ngọc E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm – Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11.3] Anh Lê Thanh I không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm – Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà A là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà A - khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hồng A.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 166, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Hồng A về việc buộc chị Vũ Thị Ngọc E phải trả số tiền nợ là 742.500.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Hồng A.

2.2. Chị Vũ Thị Ngọc E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Anh Lê Thanh I không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Hồng A.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận H,
TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận H,
TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương